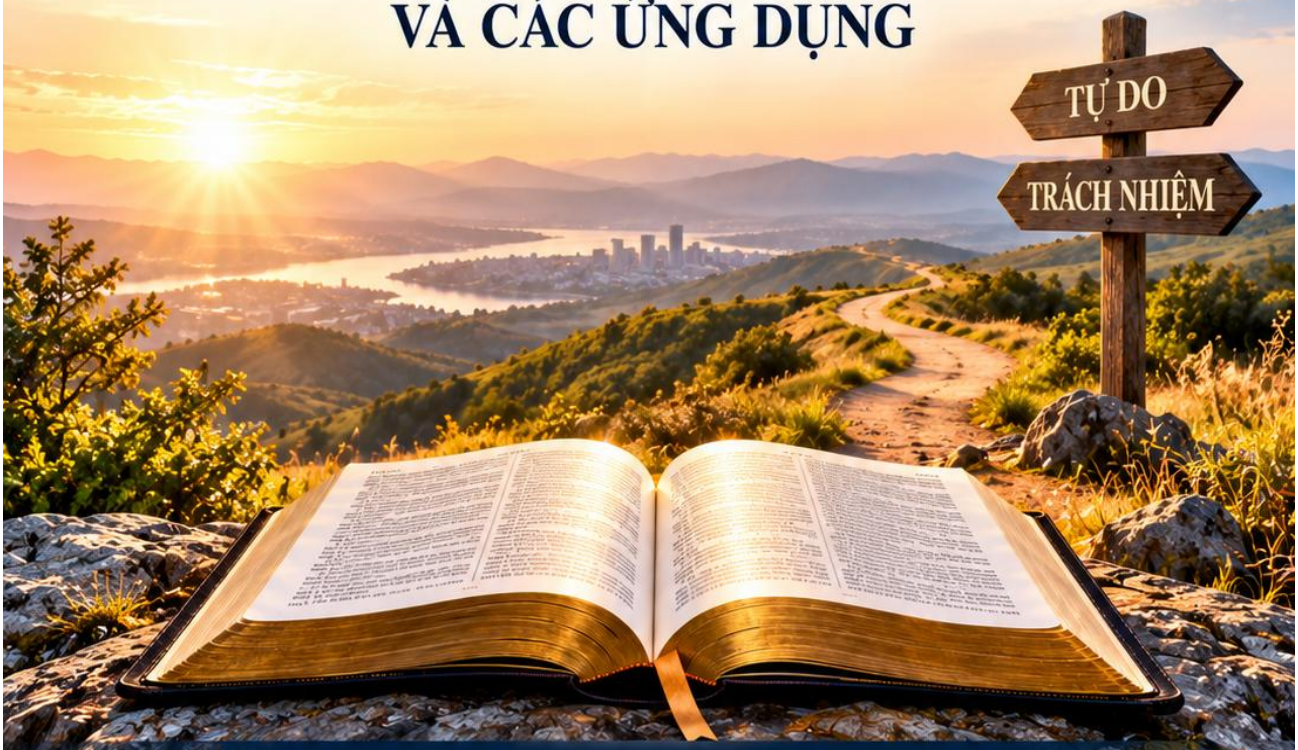
TỰ DO
TRONG
ĐẤNG CHRIST

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ ĐỐC NHÂN VÀ CÁC ỨNG DỤNG



Tác Giả: Mục Sư Nguyễn Công Tân, DMin
Hội Thánh Agape Albuquerque (VACAB)

Lời Chúa còn đến đời đời
(1 Phi-e-rơ 1:25)

Mục Lục

Nền Tảng Của Sự Tự Do Trong Đấng Christ 3
Từ lăng kính trên thiên đàng: Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời 3
Từ lăng kính dưới ánh sáng mặt trời: Con người phải đáp ứng bằng đức tin và sống đời sống thánh hóa 3
Tự Do Trong Đấng Christ Và Mối Quan Hệ Với Luật Pháp 4
Từ lăng kính trên thiên đàng: Cơ Đốc Nhân được giải phóng khỏi sự định tội của luật pháp ... 4
Từ lăng kính dưới ánh sáng mặt trời: Sự tự do phải đi đôi với trách nhiệm và tình yêu thương 5
Nền Tảng Thần Học Để Giải Quyết Những Vấn Đề "Màu Xám" 6
Ứng Dụng: Bia Rượu Dưới Ánh Sáng Của Kinh Thánh 7
1. Hành động này có trực tiếp vi phạm một mạng lệnh hoặc nguyên tắc đạo đức rõ ràng của Kinh Thánh không? 7
2. Hành động này có ích lợi và góp phần gây dựng đời sống thuộc linh không? 8
3. Hành động này có khiến tôi mất sự tỉnh táo, khả năng tự chủ hoặc trở thành nô lệ cho một thói quen không? 8
4. Hành động này có thể khiến anh chị em trong đức tin bị cám dỗ làm trái với lương tâm hoặc sa vào tội lỗi không? 9
5. Hành động này có tạo ra rào cản không cần thiết khiến người chưa tin Chúa hiểu sai về Tin Lành hoặc khó tiếp nhận sự làm chứng của tôi không? 10
6. Tôi có thể thực hiện hành động này với lương tâm trong sạch, lòng biết ơn và mục đích làm vinh hiển Đức Chúa Trời không? 11
Kết Luận 12

TỰ DO TRONG ĐẤNG CHRIST
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ ĐỐC NHÂN VÀ CÁC ỨNG DỤNG

Nền Tảng Của Sự Tự Do Trong Đấng Christ

Từ lăng kính trên thiên đàng: Sự cứu rỗi thuộc về Đức Chúa Trời

Khi nhìn sự cứu rỗi từ chương trình đời đời của Đức Chúa Trời, chúng ta nhận biết rằng sự cứu rỗi hoàn toàn bắt nguồn từ ân điển, tình yêu và ý muốn tốt lành của Ngài. Con người không thể dùng công đức, việc lành, sự vâng giữ luật pháp hay những nghi thức tôn giáo để tạo ra hoặc xứng đáng nhận được sự cứu rỗi. Theo cách hiểu thần học nhấn mạnh sự lựa chọn vô điều kiện của Đức Chúa Trời, Ngài đã chọn những người thuộc về Ngài trong Đấng Christ trước khi sáng thế (Ê-phê-sô 1:4–5). Chính Đức Chúa Trời là Đấng khởi đầu, gìn giữ và hoàn tất công việc cứu rỗi trong đời sống họ (Phi-líp 1:6).

Trong Sáng Thế Ký 3:21, sau khi A-đam và Ê-va phạm tội, chính Đức Chúa Trời đã làm áo bằng da thú để mặc cho họ. Hình ảnh này cho thấy sự thương xót của Đức Chúa Trời đối với con người sa ngã. Mặc dù đoạn Kinh Thánh không trực tiếp trình bày toàn bộ giáo lý về sự cứu rỗi, sự kiện này có thể được hiểu như một hình ảnh báo trước việc Đức Chúa Trời chủ động cung ứng điều con người không thể tự cung ứng cho mình. Tương tự, trong Sáng Thế Ký 15, Đức Chúa Trời chủ động thiết lập giao ước với Áp-ra-ham trong lúc Áp-ra-ham ngủ, tức Áp-ra-ham hoàn toàn không dự phần gì vào giao nước này. Chính Ngài phán hứa và Ngài sẽ hoàn tất giao ước này. Đây chính là giao ước không điều kiện mà Đức Chúa Trời thiết lập với Áp-ra-ham - nhấn mạnh sự thành tín của Ngài đối với lời hứa.

Chúa Giê-su phán trong Giăng 6:44 rằng không ai có thể đến với Ngài nếu Đức Chúa Cha không kéo người ấy đến. Trong Giăng 6:39–40, Ngài cũng khẳng định ý muốn của Đức Chúa Cha là Ngài không làm mất một người nào thuộc về mình, nhưng khiến họ sống lại trong ngày sau cùng. Hê-bơ-rơ 12:2 gọi Chúa Giê-su là Đấng khởi nguyên và hoàn tất đức tin.

Như vậy, từ lăng kính đời đời của Đức Chúa Trời, sự cứu rỗi không dựa trên thành tích đạo đức của con người, nhưng dựa trên công việc cứu chuộc trọn vẹn của Chúa Giê-su Christ. Không một người nào có thể tự cứu mình bằng cách giữ luật pháp, và cũng không một người nào có thể khoe mình về sự cứu rỗi đã nhận lãnh.

Từ lăng kính dưới ánh sáng mặt trời: Con người phải đáp ứng bằng đức tin và sống đời sống thánh hóa

Khi nhìn sự cứu rỗi từ góc độ đời sống con người dưới ánh sáng mặt trời, Kinh Thánh liên tục kêu gọi mỗi người phải ăn năn, tin nhận Chúa Giê-su và bước đi theo Ngài. Chúa Giê-su bắt đầu chức vụ bằng lời kêu gọi: "Hãy ăn năn và tin nhận Tin Lành" (Mác 1:15). Giăng 3:16 khẳng định rằng ai tin Con Đức Chúa Trời thì không bị hư mất nhưng được sự sống đời đời. Ê-phê-sô 2:8–9 dạy rõ sự cứu rỗi là bởi ân điển, thông qua đức tin, chứ không phải bởi việc làm.

Điều quan trọng là phải phân biệt giữa nguyên nhân của sự cứu rỗi và kết quả của sự cứu rỗi. Việc lành không phải là nguyên nhân khiến một người được xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời, nhưng là kết quả phải có của một đức tin sống động. Ê-phê-sô 2:10 cho biết những người được cứu trong Đấng Christ được dựng nên để làm những việc lành mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị trước. Gia-cơ 2:17 cũng khẳng định rằng đức tin không có việc làm là đức tin chết.

Một người thật sự được tái sinh không có nghĩa là lập tức trở nên hoàn hảo hoặc không còn phạm tội. Khi còn sống trong thân thể hiện tại, Cơ Đốc Nhân vẫn phải đối diện với những ham

muốn xác thịt, sự cám dỗ và những cuộc chiến thuộc linh. Ga-la-ti 5:16–17 cho biết xác thịt và Đức Thánh Linh chống nghịch nhau. Vì vậy, người tin Chúa được kêu gọi bước đi theo Đức Thánh Linh, từ bỏ những việc làm của xác thịt và ngày càng trở nên giống Chúa Giê-su. Phi-líp 2:12–13 trình bày rất rõ mối liên hệ này. Phao-lô kêu gọi các tín hữu thực hiện sự cứu rỗi của mình với lòng kính sợ, đồng thời giải thích rằng chính Đức Chúa Trời đang hành động trong họ, khiến họ vừa muốn vừa làm theo ý tốt của Ngài. Điều này không có nghĩa con người phải làm việc để mua lấy sự cứu rỗi, nhưng phải sống bày tỏ sự cứu rỗi mà mình đã nhận lãnh.

Do đó, sự thánh hóa là quá trình Đức Thánh Linh hành động trong đời sống người tin Chúa, đồng thời đòi hỏi sự đáp ứng có ý thức của con người qua việc vâng phục Lời Chúa, chống lại tội lỗi và thực hành những việc lành. Sự thánh hóa không phải là điều kiện để mua lấy ân điển, nhưng là kết quả của ân điển đang biến đổi con người.

Từ lăng kính dưới ánh sáng mặt trời, chúng ta không thể biết chắc ai thuộc về số người được Đức Chúa Trời lựa chọn từ trước. Chúng ta cũng không thể nhìn thấy hoàn toàn tấm lòng và đức tin của người khác. Tuy nhiên, Chúa Giê-su dạy rằng có thể nhận biết cây qua trái của nó (Ma-thi-ơ 7:16–20). Một đức tin chân thật sẽ bày tỏ bông trái theo thời gian. Theo quan điểm thần học về sự bền đỗ của các thánh đồ, Đức Chúa Trời sẽ gìn giữ những người thật sự thuộc về Ngài để họ tiếp tục trong đức tin cho đến cuối cùng (Giăng 10:27–29; Phi-líp 1:6; Hê-bơ-rơ 3:14).

Tự Do Trong Đấng Christ Và Mối Quan Hệ Với Luật Pháp

Từ lăng kính trên thiên đàng: Cơ Đốc Nhân được giải phóng khỏi sự định tội của luật pháp

Rô-ma 8:1 tuyên bố rằng những người ở trong Đấng Christ Giê-su không còn bị kết án nữa. Ga-la-ti 5:1 cũng khẳng định Đấng Christ đã giải phóng chúng ta để được tự do. Sự tự do này trước hết phải được hiểu trong mối liên hệ với sự cứu rỗi và sự xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời. Trước khi được cứu, con người ở dưới quyền lực của tội lỗi và không thể đạt được sự công chính trước mặt Đức Chúa Trời bằng nỗ lực giữ luật pháp. Luật pháp bày tỏ tiêu chuẩn thánh khiết của Đức Chúa Trời và phơi bày tội lỗi của con người, nhưng không thể tự nó ban sự sống hoặc biến đổi bản chất tội lỗi của con người (Rô-ma 3:20; Ga-la-ti 3:21–24).

Chúa Giê-su đã đến để làm trọn luật pháp (Ma-thi-ơ 5:17). Qua sự chết và sự sống lại của Ngài, những người tin nhận Ngài được xưng công chính bởi đức tin, không phải bởi việc giữ luật pháp Môi-se (Rô-ma 3:28; Ga-la-ti 2:16). Vì vậy, Cơ Đốc Nhân không cần thực hiện những nghi thức tôn giáo, tuân giữ luật pháp về thức ăn, ngày lễ hoặc những quy định nghi lễ của giao ước cũ để được Đức Chúa Trời chấp nhận và ban sự cứu rỗi.

Điều này không có nghĩa luật pháp của Đức Chúa Trời hoàn toàn mất đi mọi giá trị, hoặc Cơ Đốc Nhân không còn phải vâng phục bất kỳ mạng lệnh đạo đức nào. Sự tự do trong Đấng Christ là sự giải phóng khỏi sự định tội của luật pháp và khỏi việc phải dựa vào luật pháp để được xưng công chính, chứ không phải sự giải phóng khỏi trách nhiệm sống thánh khiết. Chính Phao-lô đã đặt câu hỏi trong Rô-ma 6:1–2: Chúng ta có nên tiếp tục sống trong tội lỗi để ân điển càng thêm dư dật không? Ông trả lời dứt khoát rằng không thể như vậy. Người đã chết đối với tội lỗi không thể tiếp tục xem tội lỗi như lối sống bình thường của mình.

Như vậy, sự tự do mà Đấng Christ ban cho không phải là quyền được phạm tội mà không chịu trách nhiệm, nhưng là sự tự do khỏi quyền thống trị của tội lỗi để có thể sống cho Đức Chúa Trời.

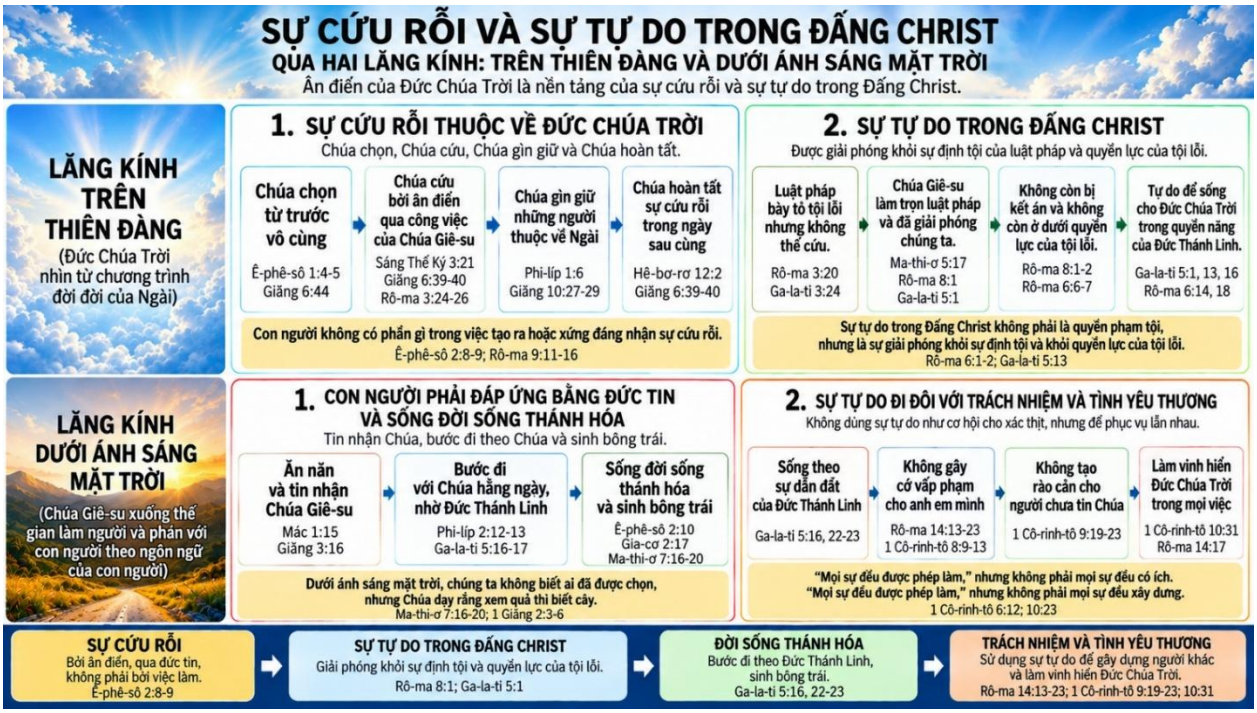
Từ lăng kính dưới ánh sáng mặt trời: Sự tự do phải đi đôi với trách nhiệm và tình yêu thương

Mặc dù Cơ Đốc Nhân đã được giải phóng khỏi sự định tội của luật pháp, họ vẫn đang sống giữa một thế giới đầy cám dỗ, trong thân thể còn chịu ảnh hưởng của tội lỗi. Vì vậy, sự tự do trong Đấng Christ không loại bỏ trách nhiệm đạo đức, nhưng đặt trách nhiệm ấy trên nền tảng mới: tình yêu thương đối với Đức Chúa Trời và người khác.

Ga-la-ti 5:13 dạy rằng các tín hữu được gọi đến sự tự do, nhưng không được dùng sự tự do ấy làm cơ hội cho xác thịt; trái lại, phải lấy tình yêu thương mà phục vụ lẫn nhau. Đây là một nguyên tắc rất quan trọng. Người tin Chúa không vâng phục để được cứu, nhưng vâng phục vì đã được cứu. Họ không làm việc lành để Đức Chúa Trời yêu thương mình, nhưng vì đã nhận được tình yêu thương và ân điển của Ngài.

Trong 1 Cô-rinh-tô 6:12, Phao-lô đưa ra hai tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá những việc mà con người cho rằng mình có quyền thực hiện: Không phải điều gì được phép cũng có ích, và ông sẽ không để bất cứ điều gì chế ngự mình. Trong 1 Cô-rinh-tô 10:23, ông bổ sung rằng không phải điều gì được phép cũng có tính xây dựng. ***Như vậy, khi đánh giá một hành động, Cơ Đốc Nhân không chỉ đặt câu hỏi: "Kinh Thánh có cấm việc này không?" mà còn phải hỏi: "Việc này có ích lợi gì cho đời sống thuộc linh của tôi? Nó có khiến tôi bị lệ thuộc không? Nó có gây tổn hại cho người khác không? Nó có gây dựng Hội Thánh và làm vinh hiển Đức Chúa Trời không***?"

Đặc biệt, 1 Cô-rinh-tô 9:19–23 cho thấy Phao-lô sẵn sàng tự nguyện giới hạn quyền tự do của mình để phục vụ người khác và đưa nhiều người đến với Tin Lành. Ông không thay đổi chân lý của Đức Chúa Trời để làm vừa lòng con người, nhưng sẵn sàng từ bỏ những quyền lợi cá nhân không thiết yếu nhằm loại bỏ những rào cản không cần thiết đối với sự truyền bá Tin Lành. Đây là một sự khác biệt rất lớn giữa sự tự do của thế gian và sự tự do trong Đấng Christ. ***Thế gian thường hiểu tự do là quyền làm điều mình muốn, miễn là không bị ngăn cấm. Nhưng sự tự do trong Đấng Christ là khả năng tự nguyện từ bỏ những điều mình có quyền làm vì tình yêu thương, sự thánh khiết và lợi ích thuộc linh của người khác. Do đó, một Cơ Đốc Nhân trưởng thành không phải là người luôn cố gắng chứng minh mình có quyền làm mọi điều Kinh Thánh không cấm, nhưng là người có thể tự nguyện giới hạn quyền tự do của mình để làm vinh hiển Đức Chúa Trời và gây dựng người khác.***



Nền Tảng Thần Học Để Giải Quyết Những Vấn Đề "Màu Xám"

Trong đời sống hiện đại, có nhiều vấn đề Kinh Thánh không trực tiếp đưa ra một mạng lệnh cụ thể rằng mọi trường hợp đều được phép hoặc đều bị cấm. Chẳng hạn, việc sử dụng bia rượu ở mức độ không say, sử dụng điện thoại, hút thuốc lá, sử dụng một số chất kích thích hợp pháp, các hình thức giải trí, âm nhạc, trang phục, săm hình, và nhiều thói quen sinh hoạt khác. Làm sao để có thể áp dụng Kinh Thánh cho các vấn đề này nhằm giúp anh chị em trong Chúa tăng trưởng, giảm thiểu việc gây cớ vấp phạm và việc ngăn người khác đến với Chúa?

Sau đây là sáu câu hỏi để đánh giá một hành động cụ thể nhằm giúp Cơ Đốc Nhân có cách tiếp cận tốt nhất theo lăng kính từ Kinh Thánh:

1. Hành động này có trực tiếp vi phạm một mạng lệnh hoặc nguyên tắc đạo đức rõ ràng của Kinh Thánh không? (1 Giăng 3:4-6; Ga-la-ti 5:19–21).
2. Hành động này có ích lợi và góp phần gây dựng đời sống thuộc linh không? (1 Cô-rinh-tô10:23, 31-33).
3. Hành động này có khiến tôi mất sự tỉnh táo, khả năng tự chủ hoặc trở thành nô lệ cho một thói quen không? (1 Cô-rinh-tô 6:12; Ê-phê-sô 5:18).
4. Hành động này có thể khiến anh chị em trong đức tin bị cám dỗ làm trái với lương tâm hoặc sa vào tội lỗi không? (Rô-ma 14:13–23; 1 Cô-rinh-tô 8:9–13).
5. Hành động này có tạo ra rào cản không cần thiết khiến người chưa tin Chúa hiểu sai về Tin Lành hoặc khó tiếp nhận sự làm chứng của tôi không? (1 Cô-rinh-tô 9:19–23; 10:32–33).
6. Tôi có thể thực hiện hành động này với lương tâm trong sạch, lòng biết ơn và mục đích làm vinh hiển Đức Chúa Trời không? (Rô-ma 14:22–23; 1 Cô-rinh-tô 10:31).

Cần lưu ý rằng sáu câu hỏi này không có cùng chức năng. Nếu một hành động đã bị Kinh Thánh xác định rõ là tội lỗi, chúng ta không thể dùng những lợi ích xã hội hoặc văn hóa để biện minh

cho nó. Ngược lại, nếu hành động ấy không tự nó là tội lỗi, Cơ Đốc Nhân vẫn phải cân nhắc đến lương tâm, hoàn cảnh, hậu quả, sự gây dựng người khác và mục đích làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

Cũng không nên hiểu "gây cớ vấp phạm" đơn giản là làm cho bất kỳ người nào không hài lòng. Trong Rô-ma 14 và 1 Cô-rinh-tô 8, vấn đề trọng tâm là hành động của một người có thể khiến người khác làm trái với lương tâm hoặc bị dẫn vào tội lỗi. Tuy nhiên, nguyên tắc tình yêu thương còn rộng hơn việc tránh gây vấp phạm theo nghĩa hẹp. Nó bao gồm sự nhạy bén đối với hoàn cảnh văn hóa, uy tín của Tin Lành và những ảnh hưởng có thể dự đoán được từ hành động của mình.

Ứng Dụng: Bia Rượu Dưới Ánh Sáng Của Kinh Thánh

Để áp dụng nguyên tắc này vào việc sử dụng bia rượu, chúng ta sẽ lần lượt xem xét sáu câu hỏi trong tài liệu.

1. Hành động này có trực tiếp vi phạm một mạng lệnh hoặc nguyên tắc đạo đức rõ ràng của Kinh Thánh không?

1 Giăng 3:4–6; Ga-la-ti 5:19–21

Trước hết, chúng ta cần phân biệt giữa việc uống rượu và việc say rượu. Kinh Thánh không xem mọi hình thức sử dụng rượu đều là tội lỗi. Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời quy định việc dùng rượu làm lễ quán trong một số của lễ (Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Dân Số Ký 28:7). Phục Truyền Luật Lệ Ký 14:26 cho thấy dân Ít-ra-ên được phép sử dụng rượu trong một bối cảnh lễ hội giao ước. Thi Thiên 104:14–15 cũng nhắc đến rượu như một sản vật đem lại niềm vui cho lòng người.

Trong Tân Ước, Chúa Giê-su đã biến nước thành rượu tại tiệc cưới Ca-na (Giăng 2:1–11). Phao-lô cũng khuyên Ti-mô-thê dùng một ít rượu vì vấn đề dạ dày và những chứng bệnh thường gặp (1 Ti-mô-thê 5:23). Những phân đoạn này cho thấy chúng ta không có cơ sở Kinh Thánh để tuyên bố rằng mọi việc uống rượu, trong mọi hoàn cảnh, đều là tội lỗi.

Tuy nhiên, Kinh Thánh nghiêm cấm sự say rượu. Ê-phê-sô 5:18 dạy Cơ Đốc Nhân không được say rượu vì điều đó dẫn đến sự buông tuồng, nhưng phải đầy dẫy Đức Thánh Linh. Ga-la-ti 5:19–21 liệt kê sự say sưa và chè chén trong những việc làm của xác thịt. Châm Ngôn 23:29–35 mô tả những hậu quả nghiêm trọng của việc lạm dụng rượu, bao gồm tranh cãi, thương tích, mất khả năng nhận thức và tiếp tục tìm kiếm rượu dù đã chịu nhiều hậu quả.

> "*[29]Ai bị hoạn nạn? Ai rên xiết? Ai cãi cọ? Ai than thở? Ai bị thương tích vô cớ? Ai có con mắt đỏ? [30]Đó là những kẻ nấn ná bên rượu, Đi nếm thứ rượu pha. [31]Đừng nhìn rượu khi nó đỏ hồng, Lúc nó chiếu sao trong ly Và tuôn chảy dễ dàng. [32]Cuối cùng, nó cắn như rắn, Tiết ra nọc như nọc rắn độc. [33]Mắt con sẽ nhìn người dâm phụ, Và lòng con sẽ nói điều gian tà. [34]Thật, con sẽ như người nằm giữa đáy biển, Khác nào kẻ nằm trên chót cột buồm. [35]Con sẽ nói rằng: "Người ta đập tôi nhưng tôi không đau! Người ta đánh tôi nhưng tôi không cảm biết! Khi tôi tỉnh dậy, Tôi sẽ trở lại tìm uống nó nữa.*"" (Châm Ngôn 23:29-35).

Kinh Thánh cũng ghi lại những trường hợp say rượu dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Nô-ê say rượu và nằm lõa lồ trong trại mình (Sáng Thế Ký 9:20–27). Hai con gái của Lót đã dùng rượu khiến cha mình mất khả năng nhận biết, sau đó thực hiện hành vi loạn luân (Sáng Thế Ký 19:30–38). Những sự kiện này cho thấy việc mất khả năng tự chủ có thể tạo điều kiện cho những tội lỗi nghiêm trọng xảy ra.

Vì vậy, kết luận của câu hỏi thứ nhất là: Kinh Thánh không cấm tuyệt đối mọi việc uống rượu, nhưng nghiêm cấm sự say sưa và những hành vi tội lỗi liên quan đến việc lạm dụng rượu. Một người uống rượu không tự động phạm tội chỉ vì hành động uống, nhưng nếu uống đến mức say sưa, mất kiểm soát hoặc thực hiện những hành động trái với mạng lệnh của Đức Chúa Trời thì người ấy đã phạm tội.

2. Hành động này có ích lợi và góp phần gây dựng đời sống thuộc linh không?

1 Cô-rinh-tô 10:23, 31–33

Sau khi xác định rằng Kinh Thánh không cấm tuyệt đối mọi việc uống rượu, chúng ta cần đặt câu hỏi thứ hai: Việc uống rượu có thật sự đem lại ích lợi và góp phần gây dựng đời sống thuộc linh hay không? Đây là một bước quan trọng trong việc hiểu đúng sự tự do trong Đấng Christ. Không phải mọi điều không bị cấm đều đáng để thực hiện. Trong 1 Cô-rinh-tô 10:23, Phao-lô nhấn mạnh rằng một hành động có thể được phép nhưng không có ích lợi hoặc không có tính xây dựng. Vì vậy, quyền được làm một điều không đồng nghĩa với việc chúng ta nên làm điều đó.

Trong văn hóa Việt Nam, bia rượu thường được sử dụng trong những buổi tiệc gia đình, đám cưới, lễ Tết, gặp gỡ bạn bè hoặc tiếp khách. Một số người xem việc uống một ít bia rượu là cách thể hiện sự hiếu khách, tình thân và sự tôn trọng. Tuy nhiên, chúng ta cần phân biệt giữa lợi ích của sự thông công và lợi ích của chính việc uống bia rượu. Việc xây dựng tình bạn, duy trì quan hệ gia đình hoặc bày tỏ lòng hiếu khách không nhất thiết đòi hỏi phải uống bia rượu.

Một Cơ Đốc Nhân có thể tham dự bữa tiệc, trò chuyện, chia sẻ niềm vui và xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp mà không cần uống rượu. Nếu cùng một mục đích tốt đẹp có thể đạt được mà không phải sử dụng bia rượu, thì chúng ta cần cân nhắc liệu việc uống rượu có thật sự cần thiết hay không. Đặc biệt, đối với những người đang phục vụ trong Hội Thánh, chúng ta cần xem xét hành động của mình có góp phần gây dựng đời sống thuộc linh của bản thân và những người xung quanh không. Một người có thể cho rằng uống một ly bia không phải là tội lỗi, nhưng nếu việc đó không đem lại ích lợi đáng kể, trong khi có thể tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực, thì việc tự nguyện không uống có thể là một lựa chọn khôn ngoan hơn.

Như vậy, câu hỏi thứ hai đưa chúng ta vượt ra ngoài giới hạn của việc được phép hay bị cấm. Cơ Đốc Nhân trưởng thành không chỉ tìm kiếm những điều mình có quyền làm, nhưng còn lựa chọn những điều có ích lợi và góp phần gây dựng đời sống thuộc linh.

3. Hành động này có khiến tôi mất sự tỉnh táo, khả năng tự chủ hoặc trở thành nô lệ cho một thói quen không?

1 Cô-rinh-tô 6:12; Ê-phê-sô 5:18

Phao-lô tuyên bố trong 1 Cô-rinh-tô 6:12 rằng ông sẽ không để bất cứ điều gì chế ngự mình. Đây là một nguyên tắc đặc biệt quan trọng khi xem xét việc sử dụng bia rượu. Sự tự do trong Đấng Christ không chỉ là quyền được thực hiện một hành động, nhưng còn là khả năng không bị hành động ấy kiểm soát. Nếu một người cho rằng mình được tự do uống rượu, nhưng không thể từ chối khi được mời, không thể ngừng uống khi cần thiết hoặc thường xuyên tìm đến rượu để giải tỏa những khó khăn trong cuộc sống, thì người ấy cần xem xét liệu mình có thật sự đang sử dụng quyền tự do hay đang dần trở thành nô lệ cho một thói quen.

Kinh Thánh nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tỉnh táo và khả năng tự chủ. Trong Lê-vi Ký 10:8–11, Đức Chúa Trời cấm các thầy tế lễ uống rượu khi vào Hội Mạc để thi hành chức vụ. Mục đích là để họ có thể phân biệt điều thánh với điều phàm, điều tinh sạch với điều ô uế và

dạy dân sự luật pháp của Đức Chúa Trời. Điều này cho thấy sự tỉnh táo có vai trò quan trọng trong việc phục vụ Chúa. Trong Tân Ước, Ê-phê-sô 5:18 đặt sự say rượu đối lập với đời sống đầy dẫy Đức Thánh Linh. Ga-la-ti 5:22–23 cũng cho biết sự tiết độ, hay khả năng tự chủ, là một trong những bông trái của Đức Thánh Linh.

Trong văn hóa Việt Nam, áp lực uống rượu trong những buổi tiệc đôi khi rất lớn. Một người có thể bắt đầu với ý định chỉ uống một ít, nhưng vì lời mời của bạn bè, đồng nghiệp hoặc người thân mà tiếp tục uống nhiều hơn. Những câu nói như "không uống là không nể", "uống hết ly mới là bạn" hoặc "hôm nay phải uống cho vui" có thể khiến con người hành động trái với quyết định ban đầu của mình.

Đối với Cơ Đốc Nhân, khả năng từ chối những áp lực như vậy là một biểu hiện quan trọng của sự tự do trong Đấng Christ. Chúng ta không cần uống rượu để chứng minh tình bạn, sự tôn trọng hoặc lòng hiếu khách. Chúng ta cũng không cần để những tập quán xã hội quyết định hành động của mình. Cần lưu ý rằng ngay cả khi một người chưa đến mức say, việc uống rượu vẫn có thể thiếu khôn ngoan nếu làm suy giảm khả năng phán đoán, ảnh hưởng đến trách nhiệm gia đình, công việc, việc lái xe hoặc tạo ra nguy cơ lệ thuộc.

Vì vậy, câu hỏi thứ ba nhấn mạnh rằng sự tự do trong Đấng Christ không phải là quyền để một điều gì đó kiểm soát chúng ta. Trái lại, sự tự do ấy giúp chúng ta sống tỉnh táo, tiết độ và không để bất kỳ thói quen nào trở thành chủ của đời sống mình.

4. Hành động này có thể khiến anh chị em trong đức tin bị cám dỗ làm trái với lương tâm hoặc sa vào tội lỗi không?

Rô-ma 14:13–23; 1 Cô-rinh-tô 8:9–13

Đây là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất khi áp dụng sự tự do trong Đấng Christ. Một hành động có thể không phải là tội lỗi đối với bản thân người thực hiện, nhưng vẫn có thể gây tổn hại đến đời sống thuộc linh của người khác. Vì vậy, Cơ Đốc Nhân không chỉ có trách nhiệm xem xét hành động của mình trước mặt Đức Chúa Trời, mà còn phải quan tâm đến những ảnh hưởng của hành động ấy đối với anh chị em trong Hội Thánh.

Trong 1 Cô-rinh-tô 8, Phao-lô giải quyết vấn đề ăn thịt đã cúng cho thần tượng. Ông giải thích rằng thần tượng không phải là một thần linh thật và thức ăn tự nó không quyết định mối quan hệ của con người với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, một số tín hữu mới tin Chúa, đặc biệt những người trước đây thờ thần tượng, vẫn có lương tâm nhạy cảm đối với việc ăn thịt đã cúng. Nếu họ nhìn thấy một tín hữu khác ăn và bắt chước trong khi lương tâm vẫn cho rằng điều đó sai, họ có thể phạm tội vì đã hành động trái với lương tâm mình. Vì vậy, Phao-lô tuyên bố trong 1 Cô-rinh-tô 8:13 rằng nếu thức ăn khiến anh em mình vấp phạm, ông sẵn sàng không ăn thịt nữa. Tương tự, Rô-ma 14:21 dạy rằng không ăn thịt, không uống rượu hoặc không làm bất cứ điều gì khiến anh em mình vấp phạm là điều tốt.

Áp dụng vào việc sử dụng bia rượu, giả sử một Cơ Đốc Nhân tin rằng uống một lượng nhỏ rượu, không say và không gây hại, không phải là tội lỗi. Tuy nhiên, trong Hội Thánh có một người mới tin Chúa trước đây từng nghiện rượu và đang cố gắng từ bỏ thói quen cũ. Nếu người này nhìn thấy một tín hữu trưởng thành hoặc người lãnh đạo Hội Thánh uống bia, họ có thể nghĩ rằng mình cũng nên uống trở lại. Điều này có thể khiến họ bị cám dỗ, mất khả năng tự chủ và quay lại tình trạng lệ thuộc trước đây.

Trong trường hợp này, người uống rượu có thể không trực tiếp vi phạm mạng lệnh cấm say rượu, nhưng việc sử dụng quyền tự do của mình có thể trở thành nguyên nhân góp phần khiến người khác sa vào tội lỗi. Vì tình yêu thương, người ấy nên tự nguyện giới hạn quyền tự do của mình.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa việc gây cớ vấp phạm và việc khiến người khác không hài lòng. Không phải bất kỳ ai phản đối việc uống rượu cũng có quyền buộc tất cả tín hữu phải tuân theo quan điểm của mình. Trong Rô-ma 14, Phao-lô dạy cả hai phía phải tôn trọng nhau: người ăn không được khinh dể người không ăn, và người không ăn cũng không được xét đoán người ăn. Điều Phao-lô đặc biệt quan tâm là việc sử dụng quyền tự do có thể khiến người khác làm trái với lương tâm hoặc bị dẫn vào tội lỗi.

Vì vậy, sự trưởng thành thuộc linh không được đo lường bằng việc một người có thể sử dụng bao nhiêu quyền tự do, nhưng còn được thể hiện qua sự sẵn sàng từ bỏ những quyền ấy để bảo vệ và gây dựng anh chị em mình. Một người có thể có quyền uống rượu, nhưng vì yêu thương anh em mình, người ấy quyết định không uống. Đây không phải là sự đánh mất tự do, nhưng là cách sử dụng sự tự do trong Đấng Christ theo nguyên tắc tình yêu thương.

5. Hành động này có tạo ra rào cản không cần thiết khiến người chưa tin Chúa hiểu sai về Tin Lành hoặc khó tiếp nhận sự làm chứng của tôi không?

1 Cô-rinh-tô 9:19–23; 10:32–33

Nếu câu hỏi thứ tư tập trung vào trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân đối với anh chị em trong Hội Thánh, thì câu hỏi thứ năm mở rộng trách nhiệm ấy đến những người chưa tin Chúa. Đây là một nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong công tác truyền giáo và làm chứng về Tin Lành.

Trong 1 Cô-rinh-tô 9:19–23, Phao-lô cho biết mặc dù ông là người tự do, không bị lệ thuộc vào ai, nhưng ông tự nguyện trở nên người phục vụ mọi người để có thể đưa nhiều người đến với Đấng Christ. Ông sẵn sàng thích nghi với những hoàn cảnh văn hóa và từ bỏ các quyền lợi cá nhân không thiết yếu, miễn là không thỏa hiệp với chân lý của Đức Chúa Trời. Nguyên tắc này không có nghĩa Cơ Đốc Nhân phải thay đổi giáo lý để làm hài lòng người chưa tin Chúa. Trái lại, chúng ta phải trung thành với chân lý của Kinh Thánh, đồng thời loại bỏ những rào cản không cần thiết do chính cách sống và hành động của mình tạo ra.

Khi áp dụng nguyên tắc này vào văn hóa Việt Nam, chúng ta cần xem xét những ý nghĩa xã hội và những hậu quả thực tế gắn liền với việc sử dụng bia rượu. Trong nhiều gia đình Việt Nam, bia rượu xuất hiện trong các buổi tiệc, đám cưới, lễ Tết và những cuộc gặp gỡ bạn bè. Tuy nhiên, việc sử dụng bia rượu cũng có thể gắn liền với những kinh nghiệm đau buồn như bạo lực gia đình, xung đột vợ chồng, tai nạn giao thông, khó khăn tài chính và sự đổ vỡ trong các mối quan hệ.

Giả sử một người chưa tin Chúa đã lớn lên trong gia đình có người cha thường xuyên say rượu, đánh đập vợ con và gây ra nhiều đau khổ. Đối với người ấy, bia rượu không chỉ là một thức uống, nhưng còn gắn liền với những tổn thương sâu sắc. Nếu người ấy nhìn thấy một mục sư, người hướng dẫn thanh niên hoặc một Cơ Đốc Nhân đang làm chứng cho mình thường xuyên uống bia rượu, họ có thể đặt câu hỏi về sự biến đổi mà Tin Lành mang lại.

Mặc dù người Cơ Đốc ấy chưa chắc đã phạm tội khi uống một lượng nhỏ rượu, nhưng hành động đó có thể tạo ra một rào cản không cần thiết đối với việc tiếp nhận Tin Lành. Trong trường hợp này, câu hỏi quan trọng không còn đơn giản là: “Tôi có quyền uống rượu hay không?” mà là: “Việc uống rượu của tôi có thật sự cần thiết đến mức tôi sẵn sàng chấp nhận nguy cơ làm tổn hại lời chứng về Chúa Giê-su không?”. Đặc biệt, đối với mục sư, chấp sự, người lãnh đạo Hội Thánh

và những người phục vụ thanh thiếu niên, trách nhiệm làm gương càng cần được xem xét nghiêm túc. 1 Ti-mô-thê 3:2–3 và Tít 1:7–8 đòi hỏi người lãnh đạo phải tiết độ, tự chủ, không nghiện rượu và có đời sống đáng kính. Mặc dù những phân đoạn này không trực tiếp cấm tuyệt đối mọi việc uống rượu đối với tất cả người lãnh đạo, nhưng chúng nhấn mạnh rằng đời sống của người phục vụ Chúa phải có khả năng làm gương cho người khác.

Trong bối cảnh Hội Thánh Việt Nam, đặc biệt khi phục vụ những người mới tin Chúa, thanh thiếu niên và những gia đình từng chịu tổn thương bởi bia rượu, việc người lãnh đạo chủ động kiêng bia rượu có thể là một quyết định mục vụ khôn ngoan. Quyết định này không xuất phát từ quan niệm rằng uống rượu chắc chắn là tội lỗi, nhưng từ mong muốn bảo vệ lời chứng về Tin Lành và loại bỏ những rào cản không cần thiết đối với người chưa tin Chúa.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần tránh việc biến những quan niệm văn hóa thành tiêu chuẩn tuyệt đối của Kinh Thánh. Nếu một người chưa tin Chúa cho rằng mọi Cơ Đốc Nhân đều phải kiêng rượu, chúng ta có thể giải thích cách Kinh Thánh phân biệt giữa việc sử dụng rượu và tội lỗi say rượu. Đồng thời, chúng ta vẫn có thể tự nguyện không uống vì tình yêu thương và sự quan tâm đến hoàn cảnh của người ấy.

Như vậy, trong công tác truyền giáo, sự tự do trong Đấng Christ không chỉ được thể hiện qua những điều chúng ta có quyền làm, nhưng còn qua những điều chúng ta sẵn sàng từ bỏ để người khác có cơ hội nghe, hiểu và tiếp nhận Tin Lành. Đây chính là tinh thần của Phao-lô trong 1 Cô-rinh-tô 9:22–23: ông sẵn sàng thích nghi với mọi người để bằng mọi cách thích hợp có thể cứu được một số người, và ông làm mọi điều vì Tin Lành.

6. Tôi có thể thực hiện hành động này với lương tâm trong sạch, lòng biết ơn và mục đích làm vinh hiển Đức Chúa Trời không?

Rô-ma 14:22–23; 1 Cô-rinh-tô 10:31

Câu hỏi cuối cùng đưa chúng ta trở lại mục đích cao nhất của đời sống Cơ Đốc Nhân: làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Trong 1 Cô-rinh-tô 10:31, Phao-lô dạy rằng dù ăn, uống hay làm bất cứ việc gì, chúng ta đều phải làm vì vinh quang của Đức Chúa Trời. Như vậy, ngay cả những hành động thông thường trong đời sống hằng ngày cũng cần được đặt dưới sự hướng dẫn của Lời Chúa và thực hiện với mục đích tôn vinh Ngài.

Rô-ma 14:22–23 cũng nhấn mạnh vai trò của lương tâm và đức tin trong những vấn đề thuộc phạm vi tự do Cơ Đốc. Một người không nên thực hiện hành động mà chính mình vẫn nghi ngờ là sai. Nếu một người uống rượu trong khi lương tâm cho rằng hành động đó không đúng trước mặt Đức Chúa Trời, thì người ấy đang hành động trái với điều mình tin là đúng. Tuy nhiên, lương tâm cũng cần được giáo dục và điều chỉnh bởi Lời Chúa, vì lương tâm của con người không phải lúc nào cũng phản ánh chính xác chân lý Kinh Thánh.

Khi xem xét việc sử dụng bia rượu, một Cơ Đốc Nhân cần tự hỏi liệu mình có thể uống với lòng biết ơn, sự tiết độ, lương tâm trong sạch và mục đích làm vinh hiển Đức Chúa Trời hay không. Nếu việc uống rượu khiến mình mất khả năng tự chủ, ảnh hưởng đến gia đình, làm tổn hại anh chị em trong Hội Thánh hoặc tạo ra rào cản không cần thiết đối với người chưa tin Chúa, thì rất khó để khẳng định rằng hành động ấy đang làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

Ngược lại, một người có thể quyết định không uống rượu, không phải vì sợ rằng uống rượu sẽ khiến mình mất sự cứu rỗi, nhưng vì muốn giữ đời sống tỉnh táo, bảo vệ gia đình, làm gương cho con cái, gây dựng Hội Thánh và giữ gìn lời chứng về Tin Lành. Khi quyết định ấy xuất phát từ

đức tin và tình yêu thương, việc tự nguyện kiêng rượu trở thành một cách thực hành sự tự do trong Đấng Christ.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần tránh thái độ tự cho mình công chính hơn người khác chỉ vì không uống rượu. Một người kiêng rượu nhưng kiêu ngạo, xét đoán và thiếu tình yêu thương không vì thế mà tự động có đời sống thuộc linh trưởng thành. Tương tự, một người cho rằng mình có quyền uống rượu nhưng xem thường lương tâm và sự yếu đuối của người khác cũng chưa thực hành đúng sự tự do trong Đấng Christ.

Vì vậy, câu hỏi cuối cùng không chỉ xem xét hành động bên ngoài, nhưng còn xem xét động cơ bên trong. Điều quan trọng không phải là chúng ta có thể chứng minh mình được phép làm điều gì, mà là chúng ta có thể thực hiện điều ấy trong đức tin, tình yêu thương và với mục đích làm vinh hiển Đức Chúa Trời hay không.

Kết Luận

Sự cứu rỗi và sự tự do trong Đấng Christ có mối liên hệ không thể tách rời. Chúng ta được cứu bởi ân điển, thông qua đức tin, không phải bởi việc làm hoặc sự tuân giữ luật pháp. Vì vậy, Cơ Đốc Nhân không cần sử dụng những quy định về ăn uống, nghi lễ hoặc các tiêu chuẩn đạo đức do con người đặt ra như phương tiện để đạt được sự cứu rỗi.

Tuy nhiên, sự tự do trong Đấng Christ không phải là sự tự do để sống theo mọi ham muốn của xác thịt. Chúng ta được giải phóng khỏi sự định tội và quyền thống trị của tội lỗi để có thể sống một đời sống mới trong sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Sự cứu rỗi không phải là phần thưởng của việc lành, nhưng việc lành là bông trái của sự cứu rỗi.

Khi đối diện với những vấn đề màu xám mà Kinh Thánh không trực tiếp cấm hoặc cho phép trong mọi hoàn cảnh, Cơ Đốc Nhân không nên chỉ dừng lại ở câu hỏi: “Tôi có quyền làm điều này không?” Thay vào đó, chúng ta cần đặt những câu hỏi sâu sắc hơn: “Điều này có ích lợi không? Có khiến tôi bị lệ thuộc không? Có gây dựng người khác không? Có thể khiến anh em mình vấp phạm không? Có thể trở thành rào cản đối với người chưa tin Chúa không? Và trên hết, điều này có làm vinh hiển Đức Chúa Trời không?”

Trong vấn đề bia rượu, Kinh Thánh không cấm tuyệt đối mọi việc uống rượu, nhưng nghiêm cấm sự say sưa và đòi hỏi sự tỉnh táo, tiết độ. Tuy nhiên, trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, nơi việc sử dụng bia rượu đôi khi gắn liền với sự ép uống, lạm dụng, xung đột gia đình và những định kiến xã hội, một Cơ Đốc Nhân có thể lựa chọn kiêng bia rượu vì lợi ích thuộc linh của người khác và vì sự làm chứng về Tin Lành. Đó không phải là hành động để được cứu, nhưng là một sự đáp ứng đầy tình yêu thương của người đã nhận được sự cứu rỗi.